

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100001	Nguyễn Hoàng Lan Anh	Nữ	25/01/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
2	100002	Nguyễn Ngọc Minh Anh	Nữ	09/05/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
3	100003	Trương Ngọc Bích	Nữ	19/04/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
4	100004	Nguyễn Lưu Bảo Châu	Nữ	05/01/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
5	100005	Nguyễn Khánh Chi	Nữ	21/06/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
6	100006	Trần Minh Dũng	Nam	14/03/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
7	100007	Trần Linh Đan	Nữ	14/10/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
8	100008	Nguyễn Hương Giang	Nữ	11/11/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
9	100009	Nguyễn Lê Hương Giang	Nữ	03/02/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
10	100010	Dương Thanh Hằng	Nữ	19/03/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
11	100011	Võ Quốc Khánh	Nam	15/04/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
12	100012	Đinh Thị Hà My	Nữ	10/09/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
13	100013	Trần Phương Ngân	Nữ	06/08/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
14	100014	Huỳnh Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	23/07/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
15	100015	Nguyễn Vũ Uyên Nhi	Nữ	10/03/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
16	100016	Trần Phương Nhi	Nữ	21/08/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
17	100017	Đặng Thị Quỳnh Như	Nữ	25/10/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
18	100018	Hồ Ngọc Bảo Như	Nữ	21/04/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
19	100019	Trần Vĩnh Phát	Nam	30/08/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
20	100020	Dương Nguyễn Hà Phương	Nữ	22/07/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
21	100021	Lê Thị Mai Phương	Nữ	20/02/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
22	100022	Nguyễn Lê Mai Phương	Nữ	15/12/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
23	100023	Nguyễn Ngọc Mai Phương	Nữ	18/05/2010	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
24	100024	Nguyễn Thục Quyên	Nữ	28/05/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	

Danh sách này có 24 học sinh.

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100025	Huỳnh Đức Hoàn	Son	Nam	28/10/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
2	100026	Đào Bùi Phương	Thảo	Nữ	08/03/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
3	100027	Nguyễn Mai Thanh	Thúy	Nữ	16/04/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
4	100028	Nguyễn Phạm Minh	Thư	Nữ	14/09/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
5	100029	Đỗ Hoàng Minh	Thy	Nữ	08/04/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
6	100030	Hà Thùy	Trang	Nữ	15/06/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
7	100031	Phạm Ngọc Yến	Trang	Nữ	08/09/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
8	100032	Lê Ngọc Bảo	Trân	Nữ	12/07/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
9	100033	Ngô Bảo	Trân	Nữ	20/09/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
10	100034	Nguyễn Trần Phương	Trinh	Nữ	02/03/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
11	100035	Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	03/04/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	
12	100036	Nguyễn Phan Triệu	Vy	Nữ	21/09/2011	10A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Địa, KTPL	

Danh sách này có 12 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100037	Đinh Nguyễn Thiên An	Nữ	15/06/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	100038	Đỗ Ngọc Vân An	Nữ	25/06/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	100039	Hoàng Phạm Khánh An	Nam	23/05/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	100040	Lê Ngọc Thúy An	Nữ	17/01/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	100041	Lương Phan Khánh An	Nữ	15/03/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	100042	Nguyễn Phước An	Nam	11/07/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	100043	Nguyễn Quốc An	Nam	20/11/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	100044	Nguyễn Trần Quỳnh An	Nữ	27/07/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	100045	Nguyễn Vũ Thu An	Nữ	24/06/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	100046	Trần Thị Thanh An	Nữ	07/01/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	100047	Trương Vũ Thành An	Nam	02/10/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	100048	Văn Ngọc Gia An	Nữ	02/10/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	100049	Bồ Nguyễn Mỹ Anh	Nữ	16/07/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	100050	Bùi Đức Anh	Nam	14/02/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	100051	Châu Quỳnh Anh	Nữ	13/12/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	100052	Đào Minh Anh	Nữ	17/01/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	100053	Đặng Việt Hà Anh	Nữ	08/10/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	100054	Kiều Đức Anh	Nam	18/09/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	100055	Lê Quang Việt Anh	Nam	11/04/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	100056	Lê Văn Tuấn Anh	Nam	21/06/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	100057	Lương Tuấn Anh	Nam	29/11/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	100058	Mai Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	15/07/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	100059	Mai Quỳnh Anh	Nữ	24/09/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	100060	Ngô Thị Quỳnh Anh	Nữ	16/03/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100061	Nguyễn Hoàng Phương Anh	Nữ	27/01/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	100062	Nguyễn Hoàng Quỳnh Anh	Nữ	01/10/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	100063	Nguyễn Minh Anh	Nữ	08/12/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	100064	Nguyễn Ngọc Yến Anh	Nữ	18/04/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	100065	Nguyễn Quỳnh Trâm Anh	Nữ	29/08/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	100066	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	05/07/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	100067	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	27/09/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	100068	Nguyễn Vân Anh	Nữ	13/07/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	100069	Nguyễn Vũ Duy Anh	Nam	11/06/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	100070	Phạm Nguyễn Châu Anh	Nữ	13/05/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	100071	Phan Quỳnh Anh	Nữ	19/07/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	100072	Trần Ngọc Minh Anh	Nữ	05/11/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	100073	Trần Thị Minh Anh	Nữ	01/09/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	100074	Võ Ngọc Quỳnh Anh	Nữ	17/03/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	100075	Võ Thị Quỳnh Anh	Nữ	23/09/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	100076	Vũ Hải Anh	Nữ	01/09/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	100077	Vũ Ngọc Phương Anh	Nữ	12/02/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	100078	Vũ Phạm Ngọc Anh	Nữ	15/04/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	100079	Vũ Tuấn Anh	Nam	10/10/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	100080	Nguyễn Minh Ánh	Nữ	26/04/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	100081	Nguyễn Vương Ngọc Ánh	Nữ	14/07/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	100082	Vũ Kim Ánh	Nữ	15/01/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	100083	Dương Phúc Ân	Nam	28/01/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	100084	Mai Gia Ân	Nữ	08/01/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100085	Mai Hồng Ân	Nữ	08/01/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	100086	Phạm Hồng Ân	Nữ	09/09/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	100087	Dương Xuân Bách	Nam	21/06/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	100088	Bùi Nguyễn Quốc Bảo	Nam	25/11/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	100089	Đinh Quang Gia Bảo	Nam	08/02/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	100090	Đỗ Gia Bảo	Nam	17/06/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	100091	Lại Hàn Gia Bảo	Nam	06/06/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	100092	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	Nam	04/11/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	100093	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	Nam	12/07/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	100094	Nguyễn Quý Quốc Bảo	Nam	25/02/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	100095	Nguyễn Văn Gia Bảo	Nam	14/02/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	100096	Phạm Gia Bảo	Nam	29/03/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	100097	Phan Chí Bảo	Nam	08/06/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	100098	Trần Cù Minh Bảo	Nam	16/11/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	100099	Trịnh Gia Bảo	Nam	10/09/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	100100	Phan Ngọc Bích	Nữ	11/05/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	100101	Lê Nguyễn Bảo Bình	Nữ	23/12/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	100102	Hoàng Quốc Bửu	Nam	10/12/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	100103	Hà Trần Bảo Châu	Nữ	10/06/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	100104	Nguyễn Ngọc Minh Châu	Nữ	13/10/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	100105	Trần Nguyễn Minh Châu	Nữ	04/08/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	100106	Võ Tá Bảo Châu	Nữ	22/05/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	100107	Dương Quỳnh Chi	Nữ	04/05/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	100108	Đặng Mai Chi	Nữ	29/03/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100109	Nguyễn Linh Chi	Nữ	06/05/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	100110	Trần Khánh Mai	Nữ	02/12/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	100111	Nguyễn Xuân Chiến	Nam	17/05/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	100112	Vũ Hoàng Bảo Chính	Nam	13/10/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	100113	Bùi Nguyễn Đức Cường	Nam	29/07/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	100114	Lê Hùng Cường	Nam	18/12/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	100115	Nguyễn Quốc Cường	Nam	07/07/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	100116	Phạm Viết Kiên Cường	Nam	03/03/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	100117	Trần Minh Cường	Nam	10/04/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	100118	Trần Quốc Cường	Nam	19/10/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	100119	Trương Công Danh	Nam	22/02/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	100120	Trần Hồng Diễm	Nữ	29/12/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	100121	Đinh Ngọc Diệp	Nữ	31/03/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	100122	Nhữ Khánh Ngọc Diệp	Nữ	01/12/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	100123	Hoàng Ngọc Phương Dung	Nữ	17/04/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	100124	Nguyễn Thị Kim Dung	Nữ	09/06/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	100125	Hoàng Nghĩa Hùng Dũng	Nam	04/10/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	100126	Lê Thế Hoàng Dũng	Nam	03/08/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	100127	Nguyễn Anh Dũng	Nam	10/04/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	100128	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	28/08/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	100129	Võ Bảo Duy	Nam	14/09/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	100130	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	12/01/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	100131	Lê Thùy Dương	Nữ	13/05/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	100132	Hoàng Quốc Đại	Nam	26/04/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100133	Phạm Đình Vũ	Đại	Nam	19/02/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	100134	Dương Ngọc Linh	Đan	Nữ	02/05/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	100135	Trần Nguyễn Linh	Đan	Nữ	22/09/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	100136	Đặng Tuấn	Đạt	Nam	19/03/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	100137	Nguyễn Mạnh	Đạt	Nam	09/04/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	100138	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	18/02/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	100139	Nguyễn Huỳnh	Đăng	Nam	12/07/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	100140	Nguyễn Trọng Hải	Đăng	Nam	13/02/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	100141	Phạm Hải	Đăng	Nam	31/03/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	100142	Trần Minh	Đồng	Nam	22/02/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	100143	Lê Nguyễn Minh	Đức	Nam	28/04/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	100144	Trần Đăng	Đức	Nam	18/01/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	100145	Dương Châu	Giang	Nữ	19/05/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	100146	Đỗ Thùy	Giang	Nữ	14/08/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	100147	Nguyễn Hoàng	Giang	Nam	03/12/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	100148	Dương Quỳnh	Giao	Nữ	15/06/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	100149	Võ Nguyên	Giáp	Nam	01/06/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	100150	Phan Lê Khánh	Hà	Nữ	11/11/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	100151	Nguyễn Nhật	Hạ	Nữ	07/10/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	100152	Nguyễn Xuân	Hải	Nam	19/04/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	100153	Phạm Minh	Hải	Nam	23/04/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	100154	Trần Thanh	Hải	Nam	23/02/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	100155	Vương Việt	Hải	Nam	21/10/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	100156	Lê Ngọc	Hạnh	Nữ	22/01/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100157	Lê Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	13/03/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	100158	Đào Thị Thu	Hằng	Nữ	31/08/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	100159	Lê Thanh	Hằng	Nữ	04/04/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	100160	Trần Thị Thúy	Hằng	Nữ	01/06/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	100161	Hồ Châu Ngọc	Hân	Nữ	26/02/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	100162	Hồ Võ Long	Hân	Nam	10/06/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	100163	Lê Gia	Hân	Nữ	24/01/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	100164	Nguyễn Gia	Hân	Nữ	08/07/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	100165	Nguyễn Hoàng Gia	Hân	Nữ	19/04/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	100166	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	11/11/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	100167	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	Nữ	31/03/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	100168	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	Nữ	15/05/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	100169	Nguyễn Thụy Gia	Hân	Nữ	06/09/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	100170	Phan Gia	Hân	Nữ	13/07/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	100171	Tô Gia	Hân	Nữ	18/10/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	100172	Trần Nguyễn Gia	Hân	Nữ	10/10/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	100173	Ngô Diệu	Hiền	Nữ	24/12/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	100174	Nguyễn Khánh	Hiền	Nữ	18/06/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	100175	Hoàng Duy	Hiệp	Nam	13/09/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	100176	Nguyễn Hoàn	Hiệp	Nam	17/09/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	100177	Lê Đặng Minh	Hiếu	Nam	06/06/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	100178	Lê Nguyễn Xuân	Hiếu	Nam	14/01/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	100179	Nguyễn Duy	Hiếu	Nam	06/03/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	100180	Trần Ngọc	Hiếu	Nam	03/04/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100181	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	Nữ	17/09/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	100182	Hà Nam Thiên	Hoà	Nam	06/09/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	100183	Nguyễn Minh	Hoà	Nam	22/08/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	100184	Đinh Nguyễn Minh	Hoàng	Nam	08/11/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	100185	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	13/07/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	100186	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	26/03/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	100187	Nguyễn Thiên	Hoàng	Nam	13/10/2010	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	100188	Lê Minh	Hùng	Nam	17/01/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	100189	Võ Nguyễn Quân	Hùng	Nam	19/07/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	100190	Đoàn Quang Quốc	Huy	Nam	28/09/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	100191	Hoàng Nguyễn Quốc	Huy	Nam	22/09/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	100192	Lưu Quốc	Huy	Nam	31/08/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	100193	Mai Tuấn	Huy	Nam	22/02/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	100194	Nguyễn Công Minh	Huy	Nam	04/07/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	100195	Nguyễn Đức	Huy	Nam	24/04/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	100196	Nguyễn Kim Ngọc	Huy	Nam	28/07/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	100197	Nguyễn Thạch	Huy	Nam	13/05/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	100198	Trần Đình Gia	Huy	Nam	14/07/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	100199	Vũ Gia	Huy	Nam	10/10/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	100200	Đào Thị Khánh	Huyền	Nữ	23/10/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	100201	Võ Thị Khánh	Huyền	Nữ	16/04/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	100202	Mạch Tiến	Hưng	Nam	06/05/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	100203	Phạm Xuân	Hưng	Nam	20/11/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	100204	Trần Gia	Hưng	Nam	30/10/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100205	Trần Khánh	Hưng	Nam	30/05/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	100206	Nguyễn Quỳnh	Hương	Nữ	18/08/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	100207	Vũ Ngọc Quỳnh	Hương	Nữ	25/10/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	100208	Nguyễn Thị Mai	Hường	Nữ	02/05/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	100209	Nguyễn Công	Kha	Nam	26/09/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	100210	Đoàn Nguyên	Khang	Nam	02/05/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	100211	Hà Duy	Khang	Nam	10/03/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	100212	Lê Bảo	Khang	Nam	02/04/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	100213	Lê Tuấn	Khang	Nam	30/11/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	100214	Nguyễn Hoàng	Khang	Nam	13/04/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	100215	Nguyễn Phước An	Khang	Nam	11/08/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	100216	Nguyễn Trọng	Khang	Nam	07/07/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	100217	Phan Vũ	Khang	Nam	02/08/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	100218	Trần Gia	Khang	Nam	28/02/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	100219	Trương Duy	Khang	Nam	06/06/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	100220	Vũ Phúc An	Khang	Nam	16/02/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	100221	Vương Hoàng	Khang	Nam	04/01/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	100222	Nguyễn Bảo	Khanh	Nữ	02/04/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	100223	Nguyễn Ngọc Bảo	Khanh	Nữ	03/11/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	100224	Phạm Hoàng Bảo	Khanh	Nam	08/09/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	100225	Cao Nguyễn Bảo	Khánh	Nam	10/04/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	100226	Lê Quốc	Khánh	Nam	10/01/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	100227	Lê Trần Ngân	Khánh	Nữ	24/06/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	100228	Nguyễn Ngọc Minh	Khánh	Nữ	13/01/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100229	Trương Văn	Khánh	Nam	02/09/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	100230	Bùi Anh	Khoa	Nam	29/08/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	100231	Lê Khánh	Khoa	Nam	24/08/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	100232	Ngô Đăng	Khoa	Nam	27/08/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	100233	Nguyễn Đông	Khoa	Nam	03/06/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	100234	Nguyễn Đức Anh	Khôi	Nam	01/10/2010	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	100235	Nguyễn Hoàng Minh	Khôi	Nam	04/05/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	100236	Nguyễn Lê Nguyên	Khôi	Nam	31/03/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	100237	Phạm Đăng	Khôi	Nam	14/02/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	100238	Trần Minh	Khôi	Nam	16/12/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	100239	Trần Ngọc Đăng	Khôi	Nam	10/02/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	100240	Vũ Hoàng Minh	Khôi	Nam	29/05/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	100241	Hoàng Trung	Kiên	Nam	12/03/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	100242	Trương Thái	Kiên	Nam	22/11/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	100243	Vũ Trung	Kiên	Nam	22/10/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	100244	Nguyễn Anh	Kiệt	Nam	09/06/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	100245	Nguyễn Hoàng Tuấn	Kiệt	Nam	02/02/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	100246	Lê Nguyễn Hoàng Thiên Kim		Nữ	15/11/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	100247	Nghiêm Lạc	Kỳ	Nữ	03/04/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	100248	Bùi Thị Ngọc	Lành	Nữ	28/10/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	100249	Lê Hoàng	Lâm	Nam	27/09/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	100250	Đặng Hà Thùy	Linh	Nữ	01/06/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	100251	Đặng Khánh	Linh	Nữ	05/02/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	100252	Đinh Thị Phương	Linh	Nữ	16/04/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100253	Đỗ Hà Linh	Nữ	20/01/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	100254	Lâm Tú Linh	Nữ	27/05/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	100255	Lương Đào Bảo Linh	Nữ	21/03/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	100256	Nguyễn Hoàng Diệu Linh	Nữ	01/05/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	100257	Nguyễn Mai Linh	Nữ	06/08/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	100258	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	Nữ	16/07/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	100259	Nguyễn Phan Khánh Linh	Nữ	22/10/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	100260	Nguyễn Thị Mai Linh	Nữ	21/01/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	100261	Trần Ngọc Phương Linh	Nữ	20/07/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	100262	Trịnh Ngọc Khánh Linh	Nữ	02/02/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	100263	Lê Thị Thanh Loan	Nữ	11/10/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	100264	Nguyễn Đình Long	Nam	03/02/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	100265	Nguyễn Hoàng Long	Nam	22/03/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	100266	Nguyễn Minh Long	Nam	19/02/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	100267	Nguyễn Vũ Hoàng Long	Nam	22/10/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	100268	Phạm Hoàng Thiên Long	Nam	20/12/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	100269	Lại Đức Lộc	Nam	10/01/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	100270	Lê Hoàng Phúc Lộc	Nam	26/10/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	100271	Phạm Tấn Lộc	Nam	27/08/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	100272	Nguyễn Hoàng Luân	Nam	08/11/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	100273	Đào Trúc Mai	Nữ	11/10/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	100274	Đoàn Ngọc Mai	Nữ	06/09/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	100275	Nguyễn Trần Tuệ Mẫn	Nữ	23/01/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	100276	Vũ Lưu Mộc Miên	Nữ	27/07/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100277	Bùi Nhật	Minh	Nam	28/02/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	100278	Đoàn Anh	Minh	Nam	01/07/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	100279	Huỳnh Trần Nhật	Minh	Nam	11/06/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	100280	Nguyễn Duy	Minh	Nam	27/10/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	100281	Nguyễn Đình Bình	Minh	Nam	14/08/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	100282	Nguyễn Nhật	Minh	Nam	08/02/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	100283	Phạm Nguyễn Tuệ	Minh	Nữ	17/06/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	100284	Trần Quang	Minh	Nam	15/01/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	100285	Đường Hà	My	Nữ	13/04/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	100286	Ngô Thảo	My	Nữ	13/03/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	100287	Nguyễn Phương	My	Nữ	09/02/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	100288	Nguyễn Vũ Hải	My	Nữ	16/06/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	100289	Phạm Trà	My	Nữ	02/04/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	100290	Trần Ngọc Thảo	My	Nữ	08/07/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	100291	Chanapon	Nam	Nam	22/06/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	100292	Dương Bảo	Nam	Nam	05/12/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	100293	Đặng Khánh	Nam	Nam	16/08/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	100294	Lê Trọng	Nam	Nam	27/11/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	100295	Nguyễn Bảo	Nam	Nam	03/08/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	100296	Nguyễn Kim Hải	Nam	Nam	07/06/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	100297	Nguyễn Ngọc Bảo	Nam	Nam	31/10/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	100298	Phạm Thị Thanh	Nga	Nữ	22/06/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	100299	Phạm Trần Phương	Nga	Nữ	19/05/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	100300	Vũ Lưu Phương	Nga	Nữ	01/11/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100301	Đỗ Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	18/04/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	100302	Lê Hoài Thu	Ngân	Nữ	18/10/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	100303	Lương Hoàng Kim	Ngân	Nữ	02/04/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	100304	Nguyễn Hạnh	Ngân	Nữ	23/08/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	100305	Nguyễn Phùng Ngọc	Ngân	Nữ	03/04/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	100306	Phạm Ngọc Kim	Ngân	Nữ	05/03/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	100307	Võ Ngọc	Ngân	Nữ	14/12/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	100308	Nguyễn Trần Gia	Nghi	Nữ	08/08/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	100309	Nguyễn Trần Phương	Nghi	Nữ	17/05/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	100310	Ôn Mỹ	Nghi	Nữ	05/06/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	100311	Trần Nguyễn Thảo	Nghi	Nữ	11/11/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	100312	Nguyễn Gia	Nghĩa	Nam	11/09/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	100313	Bùi Thanh Bảo	Ngọc	Nữ	25/02/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	100314	Cao Nguyễn Minh	Ngọc	Nữ	15/09/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	100315	Đinh Thị Hồng	Ngọc	Nữ	21/09/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	100316	Đỗ Trần Khánh	Ngọc	Nữ	27/12/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	100317	Lê Hoàng Bảo	Ngọc	Nữ	27/07/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	100318	Lê Nguyễn Khánh	Ngọc	Nữ	04/11/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	100319	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	Nữ	22/10/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	100320	Nguyễn Minh	Ngọc	Nữ	25/11/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	100321	Phạm Thị Kim	Ngọc	Nữ	10/09/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	100322	Trần Hoàng Ánh	Ngọc	Nữ	18/04/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	100323	Trần Lưu Khánh	Ngọc	Nữ	10/07/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	100324	Đào Thụy Thảo	Nguyên	Nữ	26/10/2010	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100325	Đỗ Nguyễn Phúc	Nguyên	Nam	18/03/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	100326	Hoàng Võ Thảo	Nguyên	Nữ	03/07/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	100327	Lê Khôi	Nguyên	Nam	04/01/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	100328	Nguyễn Hoàng	Nguyên	Nam	23/07/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	100329	Nguyễn Khôi	Nguyên	Nam	08/03/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	100330	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	07/07/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	100331	Nguyễn Phạm Thanh	Nguyên	Nam	04/03/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	100332	Nguyễn Phúc	Nguyên	Nam	26/11/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	100333	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	09/04/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	100334	Trần Gia	Nguyên	Nữ	09/08/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	100335	Võ Khánh	Nguyên	Nữ	05/04/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	100336	Võ Khôi	Nguyên	Nam	13/02/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	100337	Hoàng Minh	Nguyệt	Nữ	07/06/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	100338	Lê Thị Phương	Nguyệt	Nữ	03/03/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	100339	Nguyễn Thanh	Nhàn	Nữ	05/11/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	100340	Phan Thị Thanh	Nhàn	Nữ	14/04/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	100341	Hồ Nguyễn Hữu	Nhân	Nam	08/07/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	100342	Đặng Khánh	Nhi	Nữ	07/08/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	100343	Hoàng Lê Yến	Nhi	Nữ	02/11/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	100344	Nguyễn Đàm Thảo	Nhi	Nữ	24/11/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	100345	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	Nữ	22/06/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	100346	Phạm Chi	Nhi	Nữ	21/11/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	100347	Tổng Hà Yến	Nhi	Nữ	04/10/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	100348	Trương Đặng Quỳnh	Nhi	Nữ	04/01/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100349	Trương Phạm Khánh	Nhi	Nữ	01/02/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	100350	Hồ An	Nhiên	Nữ	30/04/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	100351	Nguyễn An	Nhiên	Nữ	13/03/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	100352	Lê Phạm Hồng	Nhung	Nữ	20/10/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	100353	Cao Ngọc	Như	Nữ	06/04/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	100354	Hoàng Ánh	Như	Nữ	21/01/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	100355	Lê Quỳnh	Như	Nữ	07/03/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	100356	Lê Vũ Quỳnh	Như	Nữ	13/09/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	100357	Phạm Quỳnh	Như	Nữ	09/09/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	100358	Phạm Ngọc Yến	Oanh	Nữ	08/02/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	100359	Bùi Đức	Phát	Nam	10/04/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	100360	Đỗ Hoàng	Phát	Nam	01/08/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	100361	Phan Đức	Phát	Nam	20/09/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	100362	Đỗ Nhật	Phong	Nam	30/07/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	100363	Nguyễn Đình	Phong	Nam	22/01/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	100364	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	20/01/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	100365	Đồng Hoàng	Phúc	Nam	28/01/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	100366	Mai Hoàng	Phúc	Nam	15/10/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	100367	Nguyễn Hải	Phúc	Nam	18/08/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	100368	Trần An	Phúc	Nam	15/10/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	100369	Trần Hữu	Phúc	Nam	25/04/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	100370	Nguyễn Đặng Hữu	Phước	Nam	22/10/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	100371	Hà Thị Hoài	Phương	Nữ	20/12/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	100372	Huỳnh Thị Bảo	Phương	Nữ	26/06/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100373	Lâm Yến	Phương	Nữ	16/07/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	100374	Nguyễn Hoàng Mai	Phương	Nữ	26/08/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	100375	Nguyễn Lan	Phương	Nữ	16/12/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	100376	Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	12/03/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	100377	Vũ Thu	Phương	Nữ	17/10/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	100378	Lê Minh	Quang	Nam	27/03/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	100379	Tạ Minh	Quang	Nam	31/10/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	100380	Đoàn Lưu Trung	Quân	Nam	10/02/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	100381	Nguyễn Trọng	Quân	Nam	22/12/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	100382	Phạm Võ Minh	Quân	Nam	14/07/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	100383	Trần Minh	Quân	Nam	08/12/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	100384	Nguyễn Nhật Tú	Quyên	Nữ	24/03/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	100385	Nguyễn Trần Kim	Quyên	Nữ	12/03/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	100386	Lê Như	Quỳnh	Nữ	06/10/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	100387	Nguyễn Lê Khánh	Quỳnh	Nữ	03/05/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	100388	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	05/09/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	100389	Trần Hoàng Gia	Roy	Nam	20/07/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	100390	Bùi Hoàng Thiên	Sa	Nữ	15/02/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	100391	Đặng Thành	Sang	Nam	23/01/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	100392	Nguyễn Văn	Sang	Nam	29/10/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	100393	Nguyễn Công	Sáng	Nam	04/03/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	100394	Nguyễn Xuân	Siêu	Nam	10/02/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	100395	Trần Đình Anh	Son	Nam	23/06/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	100396	Bùi Đức	Tài	Nam	01/07/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100397	Hoàng Trần Xuân Tài	Nam	14/09/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	100398	Lê Phùng Đức Tài	Nam	20/05/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	100399	Nguyễn Hữu Tài	Nam	05/01/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	100400	Phạm Ngọc Tài	Nam	20/05/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	100401	Bùi Đường Phúc Tâm	Nữ	25/03/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	100402	Lê Thị Minh Tâm	Nữ	22/10/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	100403	Phạm Bùi Minh Tâm	Nữ	09/06/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	100404	Thân Thanh Tâm	Nữ	09/06/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	100405	Huỳnh Công Tân	Nam	20/10/2010	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	100406	Hoàng Văn Thái	Nam	03/04/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	100407	Lưu Thị Ngọc Thái	Nữ	08/11/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	100408	Trần Nguyễn Đức Thái	Nam	03/07/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	100409	Hoàng Phước Thanh	Nam	23/09/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	100410	Nguyễn Bảo Thiên	Nữ	04/01/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	100411	Nguyễn Phước Thành	Nam	01/01/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	100412	Lê Thị Phương Thảo	Nữ	21/04/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	100413	Lê Thu Thảo	Nữ	30/04/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	100414	Ngô Hoài Như Thảo	Nữ	15/05/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	100415	Nguyễn Hồng Lan Thảo	Nữ	22/02/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	100416	Trần Thân Phương Thảo	Nữ	26/04/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	100417	Vũ Thanh Thảo	Nữ	24/05/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	100418	Nguyễn Hoàng Thi	Nữ	04/08/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	100419	Nguyễn Lê Hoàng Thiên	Nam	11/01/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	100420	Nguyễn Phú Thịnh	Nam	15/03/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100421	Vũ Hoàng	Thịnh	Nam	13/03/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	100422	Hoàng Ngọc Ngân	Thơ	Nữ	09/01/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	100423	Trần Nguyễn Anh	Thơ	Nữ	02/03/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	100424	Nguyễn Phương	Thùy	Nữ	31/03/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	100425	Phạm Minh	Thùy	Nữ	17/11/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	100426	Giang Nguyễn Phương	Thúy	Nữ	30/09/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	100427	Bùi Anh	Thư	Nữ	15/04/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	100428	Hoàng Thị Anh	Thư	Nữ	17/08/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	100429	Lê Ngọc Minh	Thư	Nữ	08/09/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	100430	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	25/05/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	100431	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	05/04/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	100432	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	19/05/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	100433	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	18/11/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	100434	Phạm Ngọc Anh	Thư	Nữ	26/07/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	100435	Phạm Nhã Anh	Thư	Nữ	21/04/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	100436	Phạm Thị Song	Thư	Nữ	13/03/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	100437	Thái Anh	Thư	Nữ	08/01/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	100438	Tổng Kỳ	Thư	Nữ	10/05/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	100439	Vũ Ngọc Anh	Thư	Nữ	09/04/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	100440	Nguyễn Hoài	Thương	Nữ	28/12/2011	10A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	100441	Nguyễn Hoàng Uyên	Thy	Nữ	14/04/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	100442	Trần Anh	Thy	Nữ	02/09/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	100443	Nguyễn Ngọc Thùy	Tiên	Nữ	24/02/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	100444	Nguyễn Ngọc Thùy	Tiên	Nữ	26/01/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100445	Nguyễn Thị Khánh Tiên	Nữ	21/12/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	100446	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Nữ	03/01/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	100447	Phan Trần Thủy Tiên	Nữ	04/01/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	100448	Đàm Tân Tiến	Nam	09/08/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	100449	Lê Nguyễn Minh Toàn	Nam	16/10/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	100450	Nguyễn Kien Toàn	Nam	13/03/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	100451	Hoàng Quốc Toàn	Nam	10/11/2010	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	100452	Đỗ Nguyễn Thùy Trang	Nữ	04/06/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	100453	Lê Thị Quỳnh Trang	Nữ	13/10/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	100454	Nguyễn Ngô Bảo Trang	Nữ	14/09/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	100455	Trần Yên Trang	Nữ	24/05/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	100456	Nghiêm Ngọc Thùy Trâm	Nữ	12/04/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	100457	Lê Ngọc Huyền Trân	Nữ	21/01/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	100458	Nguyễn Bảo Trân	Nữ	06/08/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	100459	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	Nữ	09/09/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	100460	Phạm Bảo Trân	Nữ	12/03/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	100461	Đoàn Anh Trí	Nam	28/05/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	100462	Nguyễn Minh Trí	Nam	14/01/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	100463	Nguyễn Minh Trí	Nam	21/09/2011	10A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	100464	Nguyễn Võ Minh Trí	Nam	20/03/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	100465	Trần Sỹ Minh Trí	Nam	01/02/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	100466	Nguyễn Văn Trọng	Nam	19/01/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	100467	Hoàng Nhã Trúc	Nữ	04/06/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	100468	Nguyễn Hồng Thanh Trúc	Nữ	29/05/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100469	Nhan Ngọc Thanh	Trúc	Nữ	11/11/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	100470	Trần Thị Thanh	Trúc	Nữ	25/11/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	100471	Nguyễn Thành	Trung	Nam	24/01/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	100472	Nguyễn Thiên	Trưởng	Nam	17/12/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	100473	Nguyễn Xuân	Trưởng	Nam	10/10/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	100474	Trần Lâm	Trưởng	Nam	07/06/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	100475	Lưu Anh	Tú	Nam	13/06/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	100476	Nguyễn Ngọc Thanh	Tú	Nữ	14/10/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	100477	Lâm Anh	Tuấn	Nam	07/07/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	100478	Phan Anh	Tuấn	Nam	02/07/2011	10A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	100479	Nguyễn Hoàng Phương	Uyên	Nữ	21/02/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	100480	Nguyễn Ngô Phương	Uyên	Nữ	07/09/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	100481	Trần Thị Thu	Uyên	Nữ	09/02/2011	10A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	100482	Cao Thanh	Vân	Nữ	21/04/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	100483	Ngô Tường	Vân	Nữ	26/11/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	100484	Nguyễn Thùy	Vân	Nữ	26/12/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	100485	Trần Thảo	Vân	Nữ	11/06/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	100486	Trần Thị Thúy	Vân	Nữ	06/10/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	100487	Nguyễn Đỗ Yến	Vi	Nữ	13/08/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	100488	Nguyễn Bảo	Viên	Nam	02/10/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	100489	Phạm Hùng	Việt	Nam	31/10/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	100490	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	09/04/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	100491	Nguyễn Thành	Vinh	Nam	05/09/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	100492	Ngô Thế	Vũ	Nam	21/05/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100493	Chu Ngọc Khánh Vy	Nữ	22/04/2011	10A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	100494	Hồ Khánh Vy	Nữ	13/09/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	100495	Nguyễn Hoàng Phương Vy	Nữ	05/02/2011	10A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	100496	Nguyễn Nhật Vy	Nữ	30/08/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	100497	Nguyễn Thị Yến Vy	Nữ	13/04/2011	10A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	100498	Trương Thị Yến Vy	Nữ	12/07/2011	10A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	100499	Đàm Ngọc Yến	Nữ	01/11/2011	10A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	100500	Trần Thị Ngọc Yến	Nữ	04/12/2011	10A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 8 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100501	Bùi Thu An	Nữ	26/04/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
2	100502	Mai Hoài An	Nữ	14/10/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
3	100503	Ngô Khánh An	Nữ	06/04/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
4	100504	Nguyễn Mạnh An	Nam	09/09/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
5	100505	Nguyễn Ngọc Tường An	Nữ	04/04/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
6	100506	Dương Thị Lan Anh	Nữ	12/02/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
7	100507	Đặng Hoàng Anh	Nữ	17/10/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
8	100508	Đỗ Hoàng Anh	Nữ	19/01/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
9	100509	Huỳnh Đức Anh	Nam	06/12/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
10	100510	Nguyễn Minh Anh	Nam	25/02/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
11	100511	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	Nữ	05/08/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
12	100512	Nguyễn Phạm Thảo Anh	Nữ	23/10/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
13	100513	Nguyễn Quốc Anh	Nam	13/03/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
14	100514	Nguyễn Tuyết Anh	Nữ	20/02/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
15	100515	Phạm Hà Anh	Nữ	24/02/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
16	100516	Phạm Nguyễn Kiều Anh	Nữ	01/02/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
17	100517	Phan Trần Hoài Anh	Nữ	01/07/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
18	100518	Trần Duy Anh	Nam	09/10/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
19	100519	Trương Hoàng Anh	Nữ	18/09/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
20	100520	Văn Đỗ Trâm Anh	Nữ	27/04/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
21	100521	Vũ Công Nhật Anh	Nam	27/06/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
22	100522	Vũ Hồng Anh	Nữ	21/01/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
23	100523	Đinh Ngọc Ánh	Nữ	19/11/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
24	100524	Trương Ngọc Ánh	Nữ	22/05/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100525	Nguyễn Thiên Ân	Nam	22/03/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
2	100526	Nguyễn Trọng Ân	Nam	24/01/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
3	100527	Đặng Trần Gia Bảo	Nam	20/06/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
4	100528	Ngô Gia Bảo	Nam	12/09/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
5	100529	Nguyễn Gia Bảo	Nam	30/03/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
6	100530	Nguyễn Gia Bảo	Nam	19/10/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
7	100531	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Nam	05/02/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
8	100532	Trần Thị Ngọc Bích	Nữ	18/02/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
9	100533	Hoàng Phương Linh Cát	Nữ	09/12/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
10	100534	Bùi Lê Yên Chi	Nữ	21/05/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
11	100535	Đường Khánh Chi	Nữ	12/06/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
12	100536	Nguyễn Thị Linh Chi	Nữ	22/08/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
13	100537	Phạm Quỳnh Chi	Nữ	07/02/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
14	100538	Trần Phạm Như Chính	Nữ	06/01/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
15	100539	Nguyễn Toàn Diện	Nam	05/09/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
16	100540	Bùi Phương Dung	Nữ	13/06/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
17	100541	Đoàn Thế Dũng	Nam	22/04/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
18	100542	Nguyễn Đức Dũng	Nam	14/09/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
19	100543	Lâm Quỳnh Duyên	Nữ	29/03/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
20	100544	Ngô Triều Dương	Nam	03/02/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
21	100545	Trương Ngọc Ánh Dương	Nữ	24/02/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
22	100546	Lâm Khánh Ngọc Đan	Nữ	19/04/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
23	100547	Lương Diệp Tâm Đan	Nữ	24/07/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
24	100548	Trần Khánh Đan	Nữ	10/05/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100549	Nguyễn Tiến Phát Đạt	Nam	15/07/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
2	100550	Võ Ngọc Hải Đăng	Nam	09/04/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
3	100551	Trần Hồng Khánh Đoan	Nữ	30/11/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
4	100552	Đặng Hữu Đức	Nam	12/09/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
5	100553	Vũ Hoàng Minh Đức	Nam	18/03/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
6	100554	Nguyễn Đỗ Ngân Giang	Nữ	30/04/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
7	100555	Trần Ngọc Trà Giang	Nữ	20/09/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
8	100556	Đặng Ngọc Thái Hà	Nữ	03/02/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
9	100557	Lê Đỗ Phương Hà	Nữ	05/06/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
10	100558	Nguyễn Ngọc Khánh Hà	Nữ	13/01/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
11	100559	Vũ Ngọc Thu Hằng	Nữ	21/11/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
12	100560	Cao Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	04/10/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
13	100561	Đào Gia Hân	Nữ	05/07/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
14	100562	Lê Nguyễn Gia Hân	Nữ	09/03/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
15	100563	Ngô Khả Hân	Nữ	08/08/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
16	100564	Nguyễn Phạm Ngọc Hân	Nữ	12/04/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
17	100565	Phạm Lê Bảo Hân	Nữ	30/11/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
18	100566	Trần Gia Hân	Nữ	09/01/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
19	100567	Nguyễn Chân Hiếu	Nam	10/08/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
20	100568	Nguyễn Xinh Hoa	Nữ	05/01/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
21	100569	Nguyễn Vũ Hoàng	Nam	03/07/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
22	100570	Phạm Sinh Hùng	Nam	13/11/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
23	100571	Trần Văn Hùng	Nam	27/04/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
24	100572	Phạm Gia Huy	Nam	09/09/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100573	Phạm Quang	Huy	Nam	30/04/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
2	100574	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	05/09/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
3	100575	Đỗ Trần Mai	Hương	Nữ	26/07/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
4	100576	Bùi An	Khang	Nam	22/07/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
5	100577	Đào Phạm Phương	Khanh	Nữ	28/12/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
6	100578	Nguyễn Vy	Khanh	Nữ	01/07/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
7	100579	Phạm Lê	Khanh	Nữ	04/09/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
8	100580	Phan Vũ Mai	Khanh	Nữ	17/11/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
9	100581	Nguyễn	Khánh	Nam	23/11/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
10	100582	Lê Ngọc Đăng	Khoa	Nam	16/06/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
11	100583	Nguyễn Tuấn	Khoa	Nam	02/04/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
12	100584	Hồ Đình	Kiên	Nam	22/08/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
13	100585	Đỗ Ngọc	Lan	Nữ	28/08/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
14	100586	Dương Ngọc	Linh	Nữ	17/07/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
15	100587	Nguyễn Đan	Linh	Nữ	15/12/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
16	100588	Nguyễn Gia	Linh	Nữ	28/04/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
17	100589	Trần Phan Phương	Linh	Nữ	03/10/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
18	100590	Huỳnh Hoàng Bảo	Long	Nam	02/08/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
19	100591	Nguyễn Hải	Long	Nam	18/12/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
20	100592	Đỗ Trịnh Phương	Mai	Nữ	25/04/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
21	100593	Nguyễn Thanh	Mai	Nữ	13/05/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
22	100594	Ngô Quốc	Minh	Nam	08/12/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
23	100595	Phạm Ánh	Minh	Nữ	13/07/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
24	100596	Vũ Đăng Bình	Minh	Nam	20/06/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100597	Lê Vũ Ngọc My	Nữ	22/09/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
2	100598	Nguyễn Hà My	Nữ	10/04/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
3	100599	Nguyễn Ngọc Hà My	Nữ	22/03/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
4	100600	Phạm Hoàng Khánh My	Nữ	02/01/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
5	100601	Trần Hà My	Nữ	16/09/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
6	100602	Vũ Phan Diễm My	Nữ	23/02/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
7	100603	Trần Ngọc Hoàng Mỹ	Nữ	30/03/2010	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
8	100604	Nguyễn Bảo Nam	Nam	15/06/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
9	100605	Đầu Hoàng Diệp Ngân	Nữ	24/09/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
10	100606	Lê Ngọc Châu Ngân	Nữ	27/04/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
11	100607	Nguyễn Thanh Ngân	Nữ	12/05/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
12	100608	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	15/09/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
13	100609	Nguyễn Ngọc Gia Nghi	Nữ	27/05/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
14	100610	Nguyễn Vũ Phương Nghi	Nữ	15/06/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
15	100611	Bùi Lê Khánh Ngọc	Nữ	24/08/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
16	100612	Đỗ Thị Hồng Ngọc	Nữ	20/04/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
17	100613	Lê Ánh Ngọc	Nữ	10/08/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
18	100614	Lê Phương Minh Ngọc	Nữ	24/05/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
19	100615	Mai Yến Ngọc	Nữ	24/08/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
20	100616	Tổng Hoàng Thảo Ngọc	Nữ	19/09/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
21	100617	Vũ Thảo Nguyên	Nữ	18/12/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
22	100618	Nguyễn Thiện Nhân	Nam	13/10/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
23	100619	Nguyễn Thiện Nhân	Nam	16/09/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
24	100620	Nguyễn Minh Nhật	Nam	17/10/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100621	Thái Đức Nhật	Nam	20/09/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
2	100622	Đoàn Phương Nhi	Nữ	14/05/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
3	100623	Hà Yến Nhi	Nữ	05/06/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
4	100624	Lê Phương Nhi	Nữ	20/06/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
5	100625	Lê Yến Nhi	Nữ	06/02/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
6	100626	Nguyễn Ngọc Quỳnh Nhi	Nữ	26/11/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
7	100627	Nguyễn Vũ Uyên Nhi	Nữ	21/08/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
8	100628	Uông Thị Ái Nhiên	Nữ	28/03/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
9	100629	Nguyễn Vũ Phương Nhung	Nữ	02/12/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
10	100630	Trương Thị Quỳnh Nhung	Nữ	22/02/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
11	100631	Dương Thị Quỳnh Như	Nữ	14/02/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
12	100632	Lê Hoài Như	Nữ	06/07/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
13	100633	Lê Hoàng Khánh Như	Nữ	06/10/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
14	100634	Lê Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	12/10/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
15	100635	Nguyễn Ngọc Huyền Như	Nữ	05/08/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
16	100636	Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	04/06/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
17	100637	Phạm Lê Tâm Như	Nữ	03/12/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
18	100638	Đỗ Tuấn Phát	Nam	06/11/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
19	100639	Nguyễn Tiến Phát	Nam	12/07/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
20	100640	Trần Tiến Phát	Nam	05/10/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
21	100641	Vũ Trường Phát	Nam	24/07/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
22	100642	Nguyễn Đại Phong	Nam	01/09/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
23	100643	Đào Thiên Phúc	Nam	12/04/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
24	100644	Lê Bảo Phúc	Nam	03/11/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100645	Nguyễn Minh	Phúc	Nam	01/01/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
2	100646	Lâm Thiên	Phụng	Nữ	10/12/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
3	100647	Huỳnh Mai	Phương	Nữ	14/10/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
4	100648	Nguyễn Bảo	Phương	Nữ	16/04/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
5	100649	Phạm Hoàng Yến	Phương	Nữ	23/03/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
6	100650	Thái Thị Hoài	Phương	Nữ	05/08/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
7	100651	Trần Thụy	Phương	Nữ	18/03/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
8	100652	Nguyễn Thị Kim	Phượng	Nữ	06/04/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
9	100653	Hồ Sỹ Minh	Quang	Nam	06/05/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
10	100654	Lê Xuân	Quang	Nam	10/12/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
11	100655	Thái Thực	Quyên	Nữ	27/08/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
12	100656	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	Nữ	04/06/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
13	100657	Phạm Kim	Quỳnh	Nữ	07/08/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
14	100658	Huỳnh	Sang	Nam	28/10/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
15	100659	Lý Nhất Anh	Tài	Nam	06/08/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
16	100660	Ngô Phát	Tài	Nam	19/01/2010	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
17	100661	Lê Thị Thanh	Tâm	Nữ	27/03/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
18	100662	Nguyễn Lê Trí	Tâm	Nam	24/02/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
19	100663	Nguyễn Yến	Thanh	Nữ	04/02/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
20	100664	Nguyễn Huy	Thành	Nam	02/11/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
21	100665	Chu Phương	Thảo	Nữ	22/07/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
22	100666	Nguyễn Trần Minh	Thị	Nữ	22/09/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
23	100667	Đỗ Phương	Thùy	Nữ	26/04/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
24	100668	Phạm Thanh	Thùy	Nữ	24/08/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	100669	Nguyễn Nguyên Thy Thy	Nữ	26/10/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
2	100670	Bùi Thùy Trang	Nữ	25/03/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
3	100671	Đỗ Ngọc Huyền Trang	Nữ	19/03/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
4	100672	Nguyễn Phương Trang	Nữ	17/11/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
5	100673	Nguyễn Trần Thu Trang	Nữ	19/10/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
6	100674	Hoàng Ngọc Bảo Trâm	Nữ	22/03/2011	10A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
7	100675	Đào Ngọc Bảo Trâm	Nữ	18/02/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
8	100676	Lê Hoàng Bảo Trâm	Nữ	02/11/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
9	100677	Trịnh Ngọc Trinh	Nữ	30/09/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
10	100678	Huỳnh Vũ Mộng Trúc	Nữ	09/01/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
11	100679	Ngô Lê Thanh Trúc	Nữ	06/03/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
12	100680	Trần Thị Thanh Trúc	Nữ	22/08/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
13	100681	Vương Nguyễn Minh Trúc	Nữ	06/11/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
14	100682	Trần Nguyễn Ngọc Tuấn	Nam	26/01/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
15	100683	Trần Thị Phương Uyên	Nữ	03/08/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
16	100684	Cần Nguyễn Tường Vy	Nữ	05/04/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
17	100685	Gập Thanh Vy	Nữ	01/10/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
18	100686	Nguyễn Phương Vy	Nữ	22/11/2011	10A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
19	100687	Trần Phương Vy	Nữ	24/04/2011	10A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	
20	100688	Nguyễn Hà Như Ý	Nữ	09/09/2011	10A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Địa	

Danh sách này có 20 học sinh.